

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2023/DS-ST

Ngày: 01-6-2023

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản và tranh
chấp nợ hui”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Tuyết;**

2. Bà **Dương Thị Tố Như.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Duy Toàn** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thùy Linh** – Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 01 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp nợ hui”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 03 năm 2023 và Thông báo thay đổi lịch xét xử số: 01/TB-TA, ngày 21 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số 126, đường B, phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th: Ông Lê Thanh D, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số 11A, đường Lam Sơn, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng
(văn bản ủy quyền ngày 07/7/2022).

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Ng**, sinh năm 1961

Địa chỉ: Số 53/27, đường Đ, phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ng: Công ty LFG.

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Saigon Mall, số 19, đường C, phường 2, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thanh Ph, sinh năm 1980- Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 91, đường T, phường 10, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 19/7/2022).

Người đại diện theo ủy quyền lại của Công ty trách nhiệm hữu hạn LFG: Bà Vũ Thị Xuân T, sinh năm 1988

Địa chỉ liên lạc: Tầng 8, tòa nhà Saigon Mall, số 19, đường C, phường 2, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 02/8/2022)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ng: Ông Phạm Thanh Ph, sinh năm 1980- Luật sư- Công ty Luật TNHH LFG thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Th, ông D có mặt tại phiên tòa, bà N vắng mặt tại phiên tòa, bà T và ông Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2022, đơn khởi kiện bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Thanh D trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết là hàng xóm của nhau nên bà Th có cho bà Ng vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 5.300.000.000 đồng cụ thể như sau:

Ngày 23/8/2021 cho vay là 100.000.000 đồng;

Ngày 21/12/2021 cho vay 1.100.000.000 đồng;

Ngày 29/3/2022 cho vay 1.100.000.000 đồng;

Ngày 26/4/2022 cho vay 500.000.000 đồng;

Ngày 29/4/2022 cho vay 800.000.000 đồng;

Ngày 05/5/2022 cho vay 900.000.000 đồng;

Ngày 21/5/2022 cho vay 500.000.000 đồng;

Ngày 02/6/2022 cho vay 300.000.000 đồng.

Việc cho vay tiền hai bên có lập giấy viết tay, giấy do bà Ng trực tiếp viết nội dung, ký và ghi rõ họ tên. Hai bên có thỏa thuận thời hạn vay tiền bằng miệng, có khoản thỏa thuận cho vay mấy ngày, có khoản thỏa thuận cho vay theo tuần, có khoản thỏa thuận vay theo tháng cũng có khoản thỏa thuận vay theo năm. Lãi suất hai bên thỏa thuận miệng từ 1,5% đến 2,5%/tháng, từ khi vay đến nay bà Ng có một số lần trả tiền lãi cho bà Th cụ thể như sau:

Khoản vay ngày 23/8/2021 bà Ng đã trả lãi 03 tháng với số tiền 4.500.000 đồng.

Khoản vay ngày 21/12/2021 bà Ng đã trả lãi 01 tháng với số tiền 24.000.000 đồng.

Khoản vay ngày 29/3/2022 bà Ng đã trả lãi 02 tháng với số tiền 48.000.000 đồng.

Khoản vay ngày 21/5/2022 bà Ng đã trả lãi 01 tháng với số tiền 10.000.000 đồng.

Toàn bộ số tiền lãi này bà Ng trả không đều cho bà Th, khi nào có thì mới trả nên bà Th không nhớ cụ thể trả vào tháng nào.

Trong thời gian từ khi vay tiền đến nay bà Ng có trả cho bà Th được 200.000.000 đồng tiền nợ gốc đối với khoản vay ngày 05/5/2022, số tiền nợ còn lại bà Ng không trả nợ gốc cũng như lãi suất cho bà Th theo thỏa thuận mặc dù bà Th đã đòi nợ nhiều lần.

Ngoài ra ngày 20/11/2021 bà Th có mở 01 dây hui (thường gọi là huê), loại huê 20.000.000 đồng/tháng, bà Th là chủ huê, hình thức chơi là huê áp thảo. Dây huê gồm 27 người chơi (tương đương với 27 phần). Trong đó bà Ng chơi 02 phần. Ngày 20/04/2022 bà Ng hót 01 phần huê với tổng số tiền là 417.100.000 đồng. Từ khi hót huê đến nay bà Ng không đóng tiền cho bà Th nữa vì vậy bà Th phải đóng

huê thay cho bà Ng hàng tháng. Tổng số tiền huê bà Ng nợ bà Th là $21 \text{ phần} \times 20.000.000\text{đ} = 420.000.000 \text{ đồng}$.

Đối với 01 phần huê sống của bà Ng từ tháng 07/2022 đến tháng 10/2022 bà Ng không đóng huê nên bà Th phải đóng thay cho bà Ng số tiền 75.400.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Th và người đại diện theo ủy quyền của bà Th thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của mình như sau: Đối với số tiền nợ huê sau khi bà Th và bà Ng đối chiếu số tiền huê đã đóng và số tiền huê chưa đóng thì bà Ng còn nợ bà Th số tiền huê là 220.000.000 đồng.

Nay bà Th yêu cầu bà Ng có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 5.100.000.000 đồng và tiền lãi 789.601.000 đồng và yêu cầu bà Ng phải trả tiền nợ huê là 220.000.000 đồng, đối với các yêu cầu khác bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

Đồng thời bà Th yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra bà Th không có yêu cầu gì khác.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Ng, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Võ Thị Xuân T trình bày:

Bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 5.300.000.000 đồng gồm 08 lần như nguyên đơn trình bày trên là đúng, việc vay tiền có lập giấy viết tay, giấy do bị đơn tự ghi nội dung, ký và ghi rõ họ tên phía dưới. Về nội dung giấy vay tiền thì hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu, về thời hạn trả tiền hai bên không thỏa thuận cụ thể nhưng có thỏa thuận khi nào bà Th cần thì báo trước cho bà Ng để bà Ng trả tiền. Sau đó bà Ng có trả cho bà Th 01 lần với số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất, đến ngày 19/5/2022 bà Ng tiếp tục trả cho bà Th số tiền 800.000.000 đồng. Về tiền lãi bà Ng đã trả cho bà Th như sau: khoản vay ngày 21/12/2021 trả lãi đến ngày 21/6/2022, khoản vay ngày 29/3/2022 trả lãi đến ngày 29/5/2022, khoản vay ngày 26/4/2022 trả lãi đến ngày 26/5/2022, khoản vay ngày 29/4/2022 trả lãi đến ngày 29/5/2022, việc trả lãi không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh, số tiền lãi đã trả cho bà Th thì bà Ng không nhớ cụ thể là bao nhiêu. Do vậy bà Ng chỉ còn nợ bà Th số tiền vay gốc là 4.300.000.000 đồng.

Ngoài ra ngày 20/11/2021 bà Ng có tham gia chơi 02 phần huê do bà Th làm chủ, loại huê 20.000.000đ/tháng, đây huê gồm 27 phần, bà Ng đóng huê đầy đủ cho bà Th. Đến tháng 04/2022 bà Ng hót 01 phần huê được số tiền bao nhiêu thì bà không nhớ nhưng có ký xác nhận đã nhận đủ tiền do bà Th giao. Sau khi hót huê bà Ng tiếp tục đóng huê được 02 tháng là tháng 05 và tháng 06/2022 trong đó bao gồm cả tiền huê sống và huê chết cho bà Th, kể từ tháng 07/2022 đến nay do không có khả năng tiếp tục đóng huê nên bà Ng không đóng huê cho bà Th nữa. Sau khi bà Ng đối chiếu số tiền huê đã đóng với số tiền huê còn nợ bà Th thì hiện nay bà Ng chỉ còn nợ bà Th số tiền huê là 220.000.000 đồng. Ngoài ra bà Ng không còn nợ khoản tiền nào khác của bà Th nữa.

Nay bà Ng đồng ý có trách nhiệm trả cho bà Th số tiền vay nợ gốc là 4.300.000.000 đồng, 220.000.000 đồng tiền nợ huê, không đồng ý trả tiền lãi. Đối với số tiền lãi trước đây bà đã trả cho bà Th bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết lại.

Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật. Ngoài ra người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần nội dung khởi kiện gồm: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau: Rút yêu cầu đối với số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng vay ngày 23/8/2021, lãi suất 4,5%/tháng từ ngày 01/9/2021 đến ngày 01/8/2022 với số tiền là 49.500.000 đồng. Rút yêu cầu đối với số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng là số tiền còn lại của khoản vay 900.000.000 đồng vay ngày 05/5/2022, lãi theo quy định của pháp luật. Rút yêu cầu đối với số tiền nợ huê chết là 200.000.000 đồng, lãi suất 2,49%/tháng từ ngày 20/4/2022 đến ngày 20/7/2022 với số tiền là 31.970.000 đồng. Rút yêu cầu tính lãi vay của số tiền 5.100.000.000 đồng từ 2,49%/tháng, xuống còn 0,83%/tháng với số tiền 423.701.000 đồng. Đồng thời rút yêu cầu khởi kiện đối với phần huê sống với số tiền là 75.400.000 đồng.

Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu tòa án giải quyết buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 4.300.000.000đ và lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ là 0,83%/tháng, tính từ ngày 06/7/2022 đến ngày 06/5/2023 là 10 tháng. Cụ thể: $4.300.000.000đ \times 0,83\% \times 10 \text{ tháng} = 365.900.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 4.656.900.000 đồng, đối với tiền huê yêu cầu bà Ng trả số tiền huê còn nợ là 220.000.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến như sau:

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc là 5.100.000.000 đồng, tiền huê là 526.770.000 đồng và tổng tiền lãi là 789.601.000 đồng vì hiện nay bà Ng chỉ còn nợ bà Th số tiền nợ gốc là 4.300.000.000 đồng, tiền huê là 220.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến thời điểm khởi kiện là 34.767.123 đồng với lãi suất 10%/năm. Tổng cộng các khoản tiền mà bà Ng còn nợ bà Th là 4.554.767.123 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời trình bày luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn như sau:

Bà Ng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th đối với số tiền vay gốc là 5.100.000.000 đồng, số tiền huê gốc là 495.400.000 đồng và tiền lãi suất 789.601.000 đồng. Bà Ng thừa nhận chỉ còn nợ bà Th số tiền vay gốc là 4.300.000.000 đồng, tiền nợ huê là 220.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến thời điểm khởi kiện của các khoản cụ thể như sau:

Khoản vay ngày 21/12/2021 lãi suất tạm tính đến ngày 06/7/2022 là $(1.100.000.000đ \times (10\%/365) \times 15 \text{ ngày} = 4.520.548 \text{ đồng};$

Khoản vay ngày 29/3/2022 lãi suất tạm tính đến ngày 06/7/2022 là $(1.100.000.000đ \times (10\%/365) \times 38 \text{ ngày} = 11.452.055 \text{ đồng};$

Khoản vay ngày 26/4/2022 lãi suất tạm tính đến ngày 06/7/2022 là $(500.000.000đ \times (10\%/365) \times 41 \text{ ngày} = 5.616.438 \text{ đồng};$

Khoản vay ngày 29/4/2022 lãi suất tạm tính đến ngày 06/7/2022 là $(800.000.000đ \times (10\%/365) \times 38 \text{ ngày} = 8.328.767 \text{ đồng};;$

Khoản vay ngày 21/5/2022 lãi suất tạm tính đến ngày 06/7/2022 là

$(500.000.000đ \times (10\%/365) \times 15 \text{ ngày} = 2.054.795 \text{ đồng};$

Khoản vay ngày 02/6/2022 đồng lãi suất tạm tính đến ngày 06/7/2022 là $(300.000.000đ \times (10\%/365) \times 34 \text{ ngày} = 2.794.521 \text{ đồng}.$

Như vậy tiền lãi suất mà bà Ng còn nợ bà Th tính đến thời điểm khởi kiện là 34.767.123 đồng.

Do vậy tổng số tiền bà Ng còn nợ bà Th là 4.554.767.123 đồng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau: thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Căn cứ Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Ng phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền là 4.656.900.000 đồng tiền nợ vay (trong đó có 4.300.000.000 đồng là tiền gốc và 356.900.000 đồng tiền lãi) và tiền huê còn nợ là 220.000.000 đồng. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc để đảm bảo thi hành án. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng vay ngày 23/8/2021, lãi suất 4,5%/tháng từ ngày 01/9/2021 đến ngày 01/8/2022 với số tiền là 49.500.000 đồng. Số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng là số tiền còn lại của khoản vay 900.000.000 đồng vay ngày 05/5/2022, lãi theo quy định của pháp luật. Số tiền nợ huê chết là 200.000.000 đồng, lãi suất 2,49%/tháng từ ngày 20/4/2022 đến ngày 20/7/2022 với số tiền là 31.970.000 đồng. Lãi vay của số tiền 5.100.000.000 đồng từ 2,49%/tháng, xuống còn 0,83%/tháng với số tiền 423.701.000 đồng. Tiền huê sống với số tiền là 75.400.000 đồng.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Th khởi kiện đòi số tiền cho vay và tiền nợ hui (huê) đối với bà Nguyễn Thị Ng. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp nợ hui theo quy định tại Điều 463 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn cư trú tại số 53/27, đường Đ, phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng vay ngày 23/8/2021, lãi suất 4,5%/tháng từ ngày 01/9/2021 đến ngày 01/8/2022 với số

tiền là 49.500.000 đồng. Số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng là số tiền còn lại của khoản vay 900.000.000 đồng vay ngày 05/5/2022, lãi theo quy định của pháp luật. Số tiền nợ huê chết là 200.000.000 đồng, lãi suất 2,49%/tháng từ ngày 20/4/2022 đến ngày 20/7/2022 với số tiền là 31.970.000 đồng. Lãi vay của số tiền 5.100.000.000 đồng từ 2,49%/tháng, xuống còn 0,83%/tháng với số tiền 423.701.000 đồng. Tiền huê sống với số tiền là 75.400.000 đồng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Đối với số tiền vay gốc: Căn cứ vào các giấy vay tiền, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và lời khai nhận của nguyên đơn, bị đơn thì thấy rằng. Cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận bà Nguyễn Thị Th có cho bà Nguyễn Thị Ng vay tổng số tiền 5.300.000.000 đồng, cụ thể các lần như sau: Ngày 23/8/2021 vay là 100.000.000 đồng; ngày 21/12/2021 vay 1.100.000.000 đồng; ngày 29/3/2022 vay 1.100.000.000 đồng; ngày 26/4/2022 vay 500.000.000 đồng; ngày 29/4/2022 vay 800.000.000 đồng; ngày 05/5/2022 vay 900.000.000 đồng; ngày 21/5/2022 vay 500.000.000 đồng; ngày 02/6/2022 vay 300.000.000 đồng.

Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết mà các đương sự trình bày nêu trên là sự thật. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà Ng có vay của bà Th số tiền 5.300.000.000 đồng là có thật.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Th về việc yêu cầu bà Ng trả số tiền 4.300.000.000 đồng tiền vay gốc. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ ngày 23/8/2021 đến ngày 02/6/2022 bà Ng có vay của bà Th 08 lần với tổng số tiền 5.300.000.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án bà Th thừa nhận vào ngày 06/5/2022 bà Ng có trả cho bà Th số tiền 200.000.000 đồng vào khoản nợ 900.000.000 đồng vay ngày 05/5/2022. Đến ngày 19/5/2022 bà Ng tiếp tục trả cho bà Th số tiền 800.000.000 đồng. Từ đó có căn cứ xác định bà Ng đã thanh toán cho bà Th tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng, cả bị đơn và nguyên đơn đều xác định số tiền này trả vào khoản 100.000.000 đồng vay ngày 23/8/2021 và khoản 900.000.000 đồng vay ngày 05/5/2022 là phù hợp với lời khai của nguyên đơn, bị đơn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Từ đó xác định bà Ng chỉ còn nợ bà Th số tiền 4.300.000.000 đồng và cần buộc bà Ng trả cho bà Th số tiền nợ này là có căn cứ.

[2.3]. Về lãi suất:

Đối với việc bà Ng trình bày đã trả cho bà Th một phần tiền lãi của các khoản vay gốc nêu trên nhưng không nhớ cụ thể số tiền đã trả là bao nhiêu và hiện tại chỉ còn nợ bà Th số tiền lãi đến thời điểm xét xử là 34.767.123 đồng. Đó chỉ là lời trình bày của bà Ng chứ không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, mặt khác bà Th không thừa nhận việc trả lãi như bà Ng trình bày mà chỉ thừa nhận đã nhận của bà Ng số tiền lãi là 86.500.000 đồng của một số khoản vay gốc, trong đó có cả những khoản hai bên đã thanh toán xong. Hội đồng xét xử thấy rằng bà Th chỉ yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với phần tiền lãi của số tiền nợ gốc là 4.300.000.000 đồng từ ngày khởi kiện là ngày 06/7/2022 đến ngày 06/5/2023 chứ không yêu cầu xem xét giải quyết đối với phần lãi từ khi vay đến ngày khởi kiện, bà Ng cũng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết lại phần tiền lãi đã trả cho bà

Th nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết phần tiền lãi này.

Đối với việc bà Th yêu cầu bà Ng trả cho bà tiền lãi của số tiền vay 4.300.000.000 đồng với lãi suất 0,83%/tháng tính từ thời điểm khởi kiện là ngày 06/7/2022 cho đến ngày 06/5/2023 là 10 tháng. Hội đồng xét xử nhận thấy theo các giấy ghi nhận nợ giữa bà Th và bà Ng thì hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ, không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, quá trình làm việc bà Th khai hai bên thỏa thuận miệng lãi suất có khoản 1,5%, có khoản 2%, có khoản 2,5%, còn bà Ng khai lãi suất thỏa thuận miệng nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu. Đây là trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự lãi suất được xác định là 10%/năm, tương đương với 0,833%/ tháng. Tuy nhiên tại phiên tòa bà Th và người đại diện theo ủy quyền của bà Th chỉ yêu cầu bà Ng phải trả lãi của khoản tiền vay là 0,83%/tháng, là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, nên cần được chấp nhận.

Do vậy cần buộc bà Ng tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 06/7/2022 đến ngày 06/5/2023 là 10 tháng cụ thể như sau:

Số tiền nợ gốc là 4.300.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 10 tháng = 356.900.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi bà Ng phải trả cho bà Th là 4.656.900.000 đồng (Bốn tỷ sáu trăm năm mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng).

[2.4] Đối với yêu cầu của bà Th về việc buộc bà Ng trả số tiền 220.000.000 đồng nợ huê thì thấy rằng bà Th và bà Ng đều thừa nhận bà Ng có tham gia chơi 02 phần huê do bà Th làm chủ, ngày 20/4/2022 bà Ng hốt 01 phần huê sau đó tiếp tục đóng 02 tháng tiền huê của cả 02 phần huê mà bà Ng đã chơi. Tuy nhiên, sau đó bà Ng không có khả năng đóng tiếp nên hai bên đã đối chiếu số tiền bà Ng đã đóng huê và số tiền bà Ng chưa đóng huê. Sau khi đối chiếu thì bà Ng chỉ còn nợ bà Th số tiền 220.000.000 đồng. Nay bà Th yêu cầu bà Ng có trách nhiệm trả số tiền huê còn nợ này và bà Ng cũng đồng ý có trách nhiệm trả cho bà Th số tiền 220.000.000 đồng nên cần ghi nhận.

[3] Đối với yêu cầu của bà Th yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 26 tháng 7 năm 2022 để đảm bảo thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy, như đã phân tích ở trên bà Ng có nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà Th. Do đó, bà Th yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 26 tháng 7 năm 2022 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bà Ng là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng phù hợp với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Th, buộc bà Ng phải trả cho bà Th số tiền vay gốc là 4.300.000.000 đồng, tiền lãi của tiền vay là 356.900.000 đồng và tiền huê là 220.000.000 đồng. Tổng cộng 4.876.900.000đ (Bốn tỷ tám trăm bảy mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng).

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Th được chấp nhận nên bà Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với bà Ng theo hồ sơ thể hiện bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1961.

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH thì người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi thì người cao tuổi được xác định như sau: “Người cao tuổi được quy định trong Luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên”.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà Ng không có đơn xin miễn tiền án phí nên bà Nguyễn Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th đối với bà Nguyễn Thị Ng về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và tranh chấp nợ hụi”

Buộc bà Nguyễn Thị Ng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền vay gốc là 4.300.000.000đ (bốn tỷ ba trăm triệu đồng); tiền lãi là 356.900.000đ (ba trăm năm mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng) và tiền nợ huê là 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng vay ngày 23/8/2021, lãi suất 4,5%/tháng từ ngày 01/9/2021 đến ngày 01/8/2022 với số tiền là 49.500.000 đồng. Số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng là số tiền còn lại của khoản vay 900.000.000 đồng vay ngày 05/5/2022, lãi theo quy định của pháp luật. Số tiền nợ huê chết là 200.000.000 đồng, lãi suất 2,49%/tháng từ ngày 20/4/2022 đến ngày 20/7/2022 với số tiền là 31.970.000 đồng. Lãi vay của số tiền 5.100.000.000 đồng từ 2,49%/tháng, xuống còn 0,83%/tháng với số tiền 423.701.000 đồng. Tiền huê sống với số tiền là 75.400.000 đồng.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ng phải chịu 112.877.000đ (một trăm mười hai triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) (làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Th không phải chịu tiền án phí, hoàn trả cho bà Th số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 56.504.000 đồng theo biên lai thu số 0005184 ngày 08/7/2022, 14.017.000 đồng theo biên lai thu số 0005205 ngày 20/7/2022, 16.000.000 đồng theo biên lai thu số 0005208 ngày 21/7/2022,

1.885.000 đồng theo biên lai thu số 0005346 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- + Các đương sự;
- + VKSND TP. Bảo Lộc;
- + T.H.A Bảo Lộc;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Hòa